TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Chau Cương;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** ông Chau Rết – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Hồ T, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B, xin vắng mặt;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 12 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn bà Phạm Hồ T trong quá trình giải quyết vụ án như sau*:

- Về hôn nhân: Năm 2006 bà T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 16/10/2006. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã nên sống ly thân với nhau từ năm 2008 cho đến nay.

Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung tên Nguyễn Phạm Thế Th, sinh ngày 07/01/2006, từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do bà T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn D đều vắng mặt:* Không có ý kiến trình bày.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Hồ T và ông Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cả hai mâu thuẫn không chung sống với nhau từ năm 2008, qua thời gian dài cả hai vẫn không tạo điều kiện hàn gắn được, do đó giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà T.

+ Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phạm Thế Th, sinh ngày 07/01/2006. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và cháu Th cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Biên bản xác minh ngày 11/02/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T xin vắng mặt, đồng thời ông Nguyễn Văn D đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Phạm Hồ T; bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, riêng ông D vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn D có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại t8, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Hồ T và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 16/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2008, điều này được thể hiện phù hợp với biên bản xác minh do ông Nguyễn Văn Tương (cha ruột ông D) cung cấp: "ông D và bà T đã sống ly thân từ lâu, hiện nay ông D đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác", do đó chứng minh cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, suốt thời gian dài sống ly thân nhưng cũng không thể hàn gắn, do đó giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà T là phù hợp.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phạm Thế Th, sinh ngày 07/01/2006. Tiếp tục giao cho bà T quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Th.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Phạm Hồ T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Hồ T và ông Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Phạm Thế Th, sinh ngày 07/01/2006 (ngày bảy, tháng một, năm hai không không sáu) cho bà Phạm Hồ T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Hồ T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn D quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Hồ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0006209 ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Phạm Hồ T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 16/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ